

NHU CẦU HỌC TẬP VÀ BỔ SUNG KIẾN THỨC SAU ĐẠI HỌC TẠI TP. HCM

BBT: Đây là đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường năm 2005 của Th.S Nguyễn Thái Thảo Vy & Th.S Nguyễn Quang Trung, Giáo viên cơ hữu Khoa KT & QTKD. Hội đồng nghiệm thu đề tài đã tổ chức báo cáo nghiệm thu và đánh giá đạt loại tốt.



Buổi bảo vệ Luận văn Thạc sĩ Quản trị Việt - Bỉ

I. GIỚI THIỆU

Cùng với sự phát triển của kinh tế và nhu cầu hội nhập một đòi hỏi tất yếu là phải luôn trao dồi và phát triển kiến thức, kỹ năng để có thể đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Vì vậy, nhu cầu về bổ sung kiến thức sau đại học đã trở nên một xu hướng tất yếu và phổ biến trong những năm gần đây tại nước ta nói chung và tại Tp.Hồ Chí Minh nói riêng. Mặc dù vậy, cho đến nay vẫn chưa có một nghiên cứu hay một cuộc khảo sát chính thức về nhu cầu này. Vì vậy, chúng tôi thực hiện đề tài "Khảo sát nhu cầu học tập và bổ sung kiến thức sau Đại học (BSKTSĐH) trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh" nhằm góp phần tìm hiểu chính xác hơn về thực trạng nhu cầu học tập và bổ sung kiến thức sau Đại học hiện

nay tại Tp. Hồ Chí Minh; qua đó, đề xuất những biện pháp để trường Đại học Mở Bán Công Tp. Hồ Chí Minh có thể đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu này của các học viên. Tuy nhiên trong phạm vi bài viết này chúng tôi chỉ nhằm cung cấp những kết quả đáng chú ý trong cuộc khảo sát nhu cầu trên.

Các câu hỏi nghiên cứu chính

Ngoài một số câu hỏi liên quan khác, cuộc khảo sát nhằm trả lời những câu hỏi chính sau đây: đối tượng theo học là ai? những mối quan tâm chính của người theo học sau đại học là gì? loại hình đào tạo và thời điểm học nào là phù hợp cho học viên? Mức học phí hiện hành là cao hay thấp so với điều kiện của họ? và trong khối ngành kinh tế thì chuyên ngành nào đang được nhiều ứng viên quan tâm nhất?

Thiết kế mẫu

Do chưa có đề tài tương tự thực hiện trước, thiết kế mẫu phải trải qua hai vòng; trong đó, vòng khảo sát sơ bộ (pilot survey) để xác định các nhóm đối tượng (gồm ba nhóm đối tượng chính đó là những người đã có bằng đại học và đang làm việc trong ba khu vực nhà nước, tư nhân và nước ngoài). Sau đó, với mức sai số cho phép được chọn là 5%, độ tin cậy ở mức 95%, qui mô mẫu

tương ứng được thực hiện khảo sát là 385 quan sát.

II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

1. Nhu cầu BSKTSDH phân theo nhóm đối tượng khảo sát

Xét tỷ trọng những người có nhu cầu

BSKTSDH trong từng nhóm đối tượng một cách riêng lẻ thì nhóm thuộc khu vực nước ngoài chiếm tỷ trọng cao nhất. Có đến 92.8% những người trong nhóm đối tượng này có nhu cầu học tập sau đại học. Trong khi đó, mặc dù chiếm số lượng cao nhất nhưng khi xét về tỷ trọng thì chỉ có 83.3% những người làm trong khu vực nhà nước có nhu cầu; và khu vực tư nhân là thấp nhất, chỉ có 77.1%.

Bảng 1: Nhu cầu học tập sau đại học của các nhóm đối tượng

	Khảo sát	Có nhu cầu	Tỷ trọng (%)
Nhà nước	192	160	83.3
Tư nhân	96	74	77.1
Nước ngoài	97	90	92.8
Tổng	385	324	84.2

Nguồn: Khảo sát thực tế 02/2005

Nếu tính chung cho tất cả đối tượng, khoảng 84% các ứng viên có nhu cầu học sau đại học. Đây là một tỷ lệ cao đáng ngạc nhiên mặc dù theo kết quả khảo sát thêm chỉ có 32.1% trong số ứng viên này đủ điều kiện theo học ngay.

2. Xếp hạng các yếu tố quan tâm

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến quyết định theo học một khóa học sau đại học. Kết quả khảo sát dưới đây sẽ cho biết đâu là yếu tố mà các ứng viên quan tâm và thứ tự ưu tiên

giữa các yếu tố. Các yếu tố mà chúng tôi đưa ra trước khi khảo sát bao gồm: (1) chuyên ngành sẽ học; (2) Điều kiện thi tuyển như: phải có bằng đại học và tối thiểu 02 năm kinh nghiệm công tác hoặc có bằng đại học loại khá trở lên; (3) học phí; (4) Thời điểm học: là các buổi học thuận lợi cho công việc của các ứng viên; (5) Độ dài khóa học: thời lượng của toàn bộ khóa học; (6) Loại hình đào tạo: đào tạo trong nước, liên kết hay toàn bộ với nước ngoài; (7) Phương thức đào tạo: tập trung, bán tập trung hay từ xa; (8) khác: là những yếu tố khác có thể có.

Bảng 2: Khảo sát mức độ quan tâm

Yếu tố quan tâm	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Ngành	132	70	34	33	23	11	14	0
ĐK thi tuyển	32	66	72	41	30	33	40	3
Học phí	61	58	51	50	42	26	27	2
Thời điểm học	35	39	62	42	53	45	38	3
Độ dài khóa học	14	15	32	55	56	73	72	0
Loại hình đào tạo	34	42	31	54	44	64	48	0
Hình thức đào tạo	9	27	34	42	69	63	70	3
Khác	0	0	1	0	0	2	8	306
Tổng	317	317	317	317	317	317	317	317

Nguồn: Khảo sát thực tế 02/2005

Kết quả khảo sát đã cho thấy hai nhận xét nhanh và quan trọng. Thứ nhất, trong thứ tự quan tâm cao nhất, yếu tố ngành được nhiều ứng viên quan tâm nhất (41.6%). Thứ hai, ngoài bảy yếu tố liệt kê trên, những

yếu tố khác chiếm tỉ trọng không đáng kể.

Để kiểm tra được thứ tự quan trọng trong các yếu tố trên, ta tiến hành cho điểm các thứ tự ưu tiên. Kết quả được cho ra như sau:

Bảng 3: Xếp hạng thứ tự các yếu tố quan tâm

Yếu tố quan tâm	Tổng điểm	Xếp hạng
Ngành	2068	1
Học phí	1752	2
ĐK thi tuyển	1657	3
Thời điểm học	1561	4
Loại hình đào tạo	1486	5
Phương thức đào tạo	1283	6
Độ dài khóa học	1271	7
Khác	334	8

Nguồn: khảo sát thực tế 02/2005

Kết quả ở bảng 3 đã khẳng định yếu tố quan trọng nhất của các ứng viên khi quyết định đăng ký theo học sau đại học là ngành học. Xếp ngay sau ngành học nhưng với số điểm khá chênh lệch là yếu tố học phí. Điều kiện thi tuyển và thời điểm học lần lượt xếp vị

trí thứ ba và thứ tư trong thứ hạng ưu tiên. Tuy nhiên, điểm chênh lệch giữa vị trí thứ hai và thứ ba cũng như thứ ba và thứ tư là không lớn so với vị trí thứ nhất và thứ hai. Tương tự như thế, loại hình đào tạo có số điểm thấp hơn thời điểm học không lớn và chiếm hạng năm.

Do vậy khi thiết kế chương trình học, ngoài việc phải đặc biệt xem xét yếu tố ngành học, cần phải đồng thời quan tâm những tố xếp hạng từ hai đến năm đó là: học phí, điều kiện thi tuyển, thời điểm học và loại hình đào tạo.

3. Chuyên ngành theo học trong khối ngành kinh tế

Theo số liệu tuyển sinh đầu vào khối ngành kinh tế hằng năm tại các cơ sở đào tạo, lượng học viên theo học tại các lớp sau đại học là khá lớn. Và kết quả khảo sát đã khẳng định điều này. Tuy nhiên, có rất nhiều chuyên ngành trong khối ngành kinh tế, vậy chuyên ngành nào đang được các ứng viên quan tâm nhất. Kết quả khảo sát sau nói lên điều đó.

Bảng 4: Chuyên ngành dự kiến học trong khối ngành kinh tế

	Tần suất	Tỷ trọng (%)
Kinh tế học	8	3.48
Quản trị kinh doanh	92	41.74
Marketing	19	8.70
Ngân hàng	19	8.70
Thương mại quốc tế	30	13.48
Kế toán- kiểm toán	40	18.26
Du lịch	9	3.91
Khác	4	1.74
Tổng	220	100.00

Nguồn: Khảo sát thực tế 02/2005

Trong bảy chuyên ngành liệt kê ra để thăm dò nhu cầu của người học như trong bảng 4, tất cả các chuyên ngành đều có ứng viên chọn lựa và tỉ trọng chênh lệch của một số chuyên ngành là không lớn. Điều này thể hiện nhu cầu học ở các chuyên ngành khác nhau trong khối ngành kinh tế rất đa dạng. Xếp ở vị trí đầu tiên đó là chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Chuyên ngành này chiếm đến 41.74% các ứng viên có dự định học khối ngành kinh tế. Chuyên ngành kế toán kiểm toán xếp thứ hai sau chuyên ngành quản trị kinh doanh với 18.26% ứng viên chọn lựa.

Chuyên ngành được lựa chọn nhiều thứ ba là thương mại quốc tế với 13.48% số người lựa chọn. Điều ngạc nhiên nhất có lẽ là chuyên ngành Marketing. Vì trong thứ tự ưu tiên lựa chọn, chuyên ngành này cùng xếp

thứ tư cùng với chuyên ngành Ngân hàng (sau chuyên ngành kế toán - kiểm toán) nhưng đây là chuyên ngành đã được đưa vào chương trình đào tạo của trường Đại học Mở Bán Công Tp.HCM sau chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Các chuyên ngành còn lại chiếm tỉ trọng không đáng kể, dưới 4%.

4. Mức học phí hiện hành

Một trong những yếu tố chi phối quyết định theo học đó là học phí. Nhằm tìm hiểu xem mức học phí hiện tại có tương thích với khả năng của các ứng viên và trên cơ sở đó đưa ra mức học phí phù hợp, khảo sát dưới đây xem xét sự đánh giá của các ứng viên với mức học phí hiện hành của các cơ sở đào tạo cao học kinh tế trong nước.

Bảng 5: Đánh giá mức học phí hiện tại

Đánh giá	Tần suất	Tỷ trọng (%)
Thấp	16	4.94
Vừa	164	50.62
Cao	144	44.44
Tổng	324	100.00

Nguồn: Khảo sát thực tế tháng 02/2005

Trên cơ sở tham khảo mức học phí tại trường Đại học Mở Bán Công Tp.HCM và Đại học Kinh tế Tp.HCM, mức học phí hiện hành (tại thời điểm thực hiện khảo sát) cho một khóa học cao học trong nước khoảng 21 triệu đồng. Khoảng 50% ứng viên cho rằng mức học phí hiện tại là phù hợp, trong khi đó một bộ phận không nhỏ (44.44%) các ứng viên cho rằng mức học phí trên là cao. Chỉ có gần 5% cho rằng mức học phí trên là thấp.

Tuy lượng ứng viên cho rằng mức học phí hiện hành cao là không nhỏ nhưng phần khảo sát thêm đã thể hiện rằng đa phần (63.27%) các ứng viên sẵn sàng đóng học phí cao hơn nếu họ được thụ hưởng điều kiện học tập tốt hơn

5. Loại hình đào tạo và thời gian học

- Loại hình đào tạo

Trong những năm gần đây với chủ trương đa dạng hóa loại hình đào tạo, thu hút, khai thác các thế mạnh của các trường đại học tiên tiến trên thế giới, nhà nước đã cho phép các trường đại học, viện nghiên cứu liên kết với các trường đại học trong nước hoặc tự

thành lập cơ sở đào tạo tại Việt Nam. Theo đó, các loại hình liên kết như liên kết toàn phần (liên kết đào tạo với một trường nước ngoài nhưng học hoàn toàn ở Việt Nam) và liên kết bán phần (một phần thời gian học ở Việt Nam và phần còn lại học ở nước ngoài) đã trở nên quen thuộc. Việc khảo sát loại hình đào tạo mà các ứng viên quan tâm có ý nghĩa quan trọng trong việc thiết lập loại hình đào tạo thích hợp và cũng là cơ sở để làm chiến lược hợp tác quốc tế của nhà trường.

Các loại hình đào tạo được đưa ra khảo sát bao gồm: thứ nhất là đào tạo trong nước, nghĩa là dạy và học trong nước với giảng viên Việt Nam và ngôn ngữ giảng dạy là tiếng Việt. Thứ hai là đào tạo nước ngoài; theo đó một trường đại học nước ngoài đứng ra tổ chức đào tạo tại Việt Nam. Thứ ba là loại hình liên kết toàn phần; với loại hình này dạy và học hoàn toàn tại Việt Nam, ngôn ngữ học có thể là tiếng Anh hoặc song ngữ Việt - Anh. Cuối cùng là loại hình liên kết bán phần; loại hình này cũng giống như loại hình liên kết toàn phần nhưng chỉ khác là một phần thời gian học ở Việt Nam và phần còn lại học ở nước ngoài.

Bảng 6: Loại hình đào tạo

Loại hình đào tạo	Tần suất	Tỷ trọng (%)
Trong nước	175	53.03
Nước ngoài	38	11.52
Liên kết toàn phần	70	21.21
Liên kết bán phần	47	14.24
Tổng	330	100.00

Nguồn: Khảo sát thực tế - tháng 2/2005

Kết quả khảo sát đã thể hiện rằng loại hình đào tạo trong nước vẫn là loại hình ưa chuộng nhất của các ứng viên, chiếm 53.03%. Kế đến là loại hình liên kết toàn phần với 21.21% và tiếp theo là loại hình liên kết bán phần chiếm 14.24%. Cuối cùng là loại hình đào tạo nước ngoài tại Việt Nam chiếm 11.53%. Ngoài trừ loại hình đào tạo trong nước, chênh lệch giữa các loại hình đào tạo liên kết và chương trình đào tạo nước ngoài tại Việt Nam là không lớn. Vì vậy khi quyết định loại hình đào tạo cần cân nhắc kỹ lưỡng.

- Thời điểm học

Như kết quả của phần trên đã cho thấy, thời điểm học có ảnh hưởng lớn đến quyết định theo học của học viên. Chúng ta cũng đã biết hầu hết đối tượng theo học các lớp sau đại học đều đi làm vì vậy rất khó có thể học vào ban ngày (buổi sáng hoặc chiều). Tuy nhiên, khảo sát dưới đây vẫn thực hiện nhằm khẳng định một cách có cơ sở thời gian học thích hợp của các ứng viên và khảo sát thêm các trường hợp (nếu có) cơ quan cử đi học nên có thể học vào các buổi thích hợp khác.

Bảng 7: Thời điểm học

Thời điểm học	Tần suất	Tỷ trọng (%)
Sáng (8g-11g)	24	7.32
Chiều (1g30- 5g)	7	2.13
Tối (5g30- 8g45)	297	90.55
Tổng	328	100.00

Nguồn: khảo sát thực tế tháng 2/2005

Kết quả khảo sát không làm chúng ta ngạc nhiên khi có đến hơn 90% các ứng viên chọn thời gian học thích hợp với họ là buổi tối. Các thời điểm học còn lại chiếm tỉ trọng không đáng kể. Vậy có thể khẳng định thời gian học thích hợp nhất cho các khoá học cao học là vào buổi tối.

III. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát có thể tóm lược thành những điểm chính sau:

- Nhu cầu học tập và bổ sung kiến thức sau đại học ở Tp.HCM là rất lớn và đối tượng làm việc trong công ty liên doanh và nước ngoài chiếm tỉ trọng cao nhất.

- Trong các yếu tố cần xem xét khi

theo học ở bậc cao học, chuyên ngành học yếu tố ưu tiên nhất.

- Chuyên ngành Quản trị kinh doanh là chuyên ngành có nhu cầu cao nhất và kế đến là chuyên ngành kế toán - kiểm toán và thương mại quốc tế.

- Mức học phí hiện tại ở bậc cao học là chấp nhận được và ứng viên sẵn lòng đóng học phí cao để thụ hưởng điều kiện học tập tốt hơn.

- Hình thức đào tạo trong nước vẫn là hình thức ưa chuộng nhất hiện nay đối với các ứng viên.

- Hình thức học tập trung và thời gian học ba buổi tối/tuần được đa số các ứng viên chọn lựa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo Tuổi trẻ chủ nhật, 2005,
2. Báo Tuổi Trẻ, 2005
3. GSO (2005) Tổng Cục Thống Kê, www.gso.gov.vn
4. MET (2005), Bộ Giáo Dục và Đào Tạo- Mạng Giáo Dục, <http://edu.net.vn>
5. MFO (2005), Bộ tài chính,
<http://www.mof.gov.vn/Default.aspx?tabid=612&ItemID=19184>
6. MPI (2005), Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư
7. NCST (2005), <http://www.ncst.ac.vn/HVGD/KienNghig/kiennghi.htm>
8. Phong Lan (2005), Kiểm toán không nên ngại leo dốc, www.vnexpress.net
9. Trần Xuân Kiêm, Nguyễn Văn Thi, (2001), 'Nghiên cứu tiếp thị' Tp.HCM: NXB Thống Kê.